

THÔNG BÁO

Tuyển sinh trình độ đại học chính quy năm 2022

Trường Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh (mã trường **GTS**) thông báo tuyển sinh đại học năm 2022 như sau:

1. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển dựa vào:

- Kết quả thi tốt nghiệp Trung học phổ thông 2022, gọi tắt là (Kết quả thi THPT). Mã phương thức xét tuyển (100);
- Kết quả học tập Trung học phổ thông (Điểm trung bình môn học ở 5 học kỳ (HK1, HK2 lớp 10; HK1, HK2 lớp 11; HK1 lớp 12), gọi tắt là (Học bạ). Mã phương thức xét tuyển (200);
- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển phù hợp với quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gọi tắt là (Tuyển thẳng). Mã phương thức xét tuyển (301).

2. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh chung

- Phạm vi tuyển sinh trên cả nước.
- Đối tượng dự tuyển là người Việt Nam hoặc người nước ngoài thuộc một trong hai trường hợp sau:
 - + Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
 - + Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;
 - + Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
 - + Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Điều kiện tham gia xét tuyển các phương thức

3.1. Phương thức xét kết quả thi THPT năm 2022

Thí sinh đạt ngưỡng điểm nhận hồ sơ xét tuyển theo thông báo của Trường sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022.

3.2. Phương thức xét Học bạ

Thí sinh đạt tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển từ 18.0 điểm trở lên.

Trong đó: Điểm mỗi môn học trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm trung bình (ĐTB) của 5 học kỳ (HK) gồm: HK1, HK2 lớp 10; HK1, HK2 lớp 11; HK1 lớp 12. Cách tính điểm như sau:

Ví dụ: Thí sinh đăng ký xét tuyển vào ngành/chuyên ngành theo tổ hợp môn A00

(Toán, Lý, Hoá) tính như sau:

$$\text{Điểm môn Toán} = (\text{ĐTB môn Toán HK1 lớp 10} + \text{ĐTB môn Toán HK2 lớp 10} + \text{ĐTB môn Toán HK1 lớp 11} + \text{ĐTB môn Toán HK2 lớp 11} + \text{ĐTB môn Toán HK1 lớp 12}) / 5$$

$$\text{Điểm môn Lý} = (\text{ĐTB môn Lý HK1 lớp 10} + \text{ĐTB môn Lý HK2 lớp 10} + \text{ĐTB môn Lý HK1 lớp 11} + \text{ĐTB môn Lý HK2 lớp 11} + \text{ĐTB môn Lý HK1 lớp 12}) / 5$$

$$\text{Điểm môn Hóa} = (\text{ĐTB môn Hóa HK1 lớp 10} + \text{ĐTB môn Hóa HK2 lớp 10} + \text{ĐTB môn Hóa HK1 lớp 11} + \text{ĐTB môn Hóa HK2 lớp 11} + \text{ĐTB môn Hóa HK1 lớp 12}) / 5$$

=> Tổng điểm 3 môn = Điểm môn Toán + Điểm môn Lý + Điểm môn Hóa \geq 18.00

❖ **Lưu ý thí sinh khi đăng ký 2 phương thức (Kết quả thi THPT 2022 và Học bạ):**

+ Mức điểm yêu cầu của từng bài thi/môn thi trong tổ hợp xét tuyển theo từng phương thức như sau:

Phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022: đạt trên 1.0 điểm

Phương thức xét học bạ: đạt từ 3.5 điểm trở lên (điểm trung bình 5 học kỳ)

+ Thí sinh dùng tổ hợp môn (học bạ), tổ hợp bài thi/môn thi (Kết quả thi THPT) xét tuyển có tổng điểm cao nhất trong số các tổ hợp cho phép để xét tuyển vào ngành/chuyên ngành đăng ký.

+ Thí sinh chỉ được xét công nhận trúng tuyển khi đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

+ Nguyên tắc xét tuyển và điểm ưu tiên theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Phương thức xét tuyển thẳng

Áp dụng theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh hiện hành như sau đối với từng đối tượng như sau:

3.3.1. Đối tượng xét tuyển thẳng

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Ngoại ngữ (Tiếng Anh), Tin học do Bộ GDĐT tổ chức; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GDĐT tổ chức, căn cứ vào kết quả dự án, đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật của thí sinh đoạt giải, Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh xem xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

- Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định tại Điều 6 Thông tư 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ trưởng Bộ GDĐT. Hiệu trưởng Nhà trường căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến

thức và tiếng Việt theo quy định của Trường để xem xét, quyết định cho vào học

3.3.2. Đối tượng xét tuyển thẳng diện chính sách

Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào kết quả học tập THPT (điểm Học bạ THPT). Trong đó: Tổng điểm trung bình 3 năm lớp (10, 11, 12) theo tổ hợp xét tuyển cho từng ngành/chuyên ngành phải đạt từ 21.0 điểm trở lên để làm căn cứ xem xét và quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây:

- Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Trường đào tạo, nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường;

- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

- Thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ;

3.3.3. Đối tượng ưu tiên xét tuyển

- Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào trường Đại học giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh;

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được ưu tiên xét tuyển theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển.

3.3.4. Danh sách ngành đào tạo đại học tại trường Đại học Giao thông vận tải Tp. Hồ Chí Minh, thí sinh đăng ký học theo môn đoạt giải học sinh giỏi

STT	Tên môn thi đoạt giải	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Toán	Tất cả các ngành đại học đang đào tạo tại Trường	
2	Vật Lí	Tất cả các ngành đại học đang đào tạo tại Trường	
3	Hóa học	Tất cả các ngành đại học đang đào tạo tại Trường (trừ ngành Ngôn ngữ Anh)	
4	Sinh học	Ngành Kỹ thuật môi trường (*)	7520320
5	Tiếng Anh	Ngành Ngôn ngữ Anh (*)	7220201
6	Tin học	Ngành Công nghệ thông tin (*)	748020101, 748020102, 748020103, 748020101H, 748020102H, 748020103H
		Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (*)	7480102

Ghi chú:

- Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;

- Các ngành còn lại là ngành gần;
- Mã số ngành/chuyên ngành xét tuyển có ký hiệu H ở cuối là thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao

4. Thông tin ngành/chuyên ngành xét tuyển và chỉ tiêu các phương thức

4.1. Mã số tuyển sinh của Trường: **GTS**

4.2. Ngành (chuyên ngành), mã ngành, tổ hợp môn và chỉ tiêu xét tuyển

a) Trình độ đại học chính quy

STT	Tên ngành	Tên chuyên ngành	Mã ngành/chuyên ngành xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu		Ghi chú
					Kết quả thi THPT	Học bạ	
1.	Ngôn ngữ Anh		7220201	A01, D01	42	18	
2.	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu		7480102	A00, A01	35	15	
3.	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	748020101	A00, A01	70	30	
4.		Khoa học dữ liệu	748020102	A00, A01	35	15	
5.		Hệ thống thông tin quản lý	748020103	A00, A01	35	15	
6.	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Quản trị Logistics và vận tải đa phương thức	751060501	A00, A01, D01	35	15	
7.		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	751060502	A00, A01, D01	35	15	
8.	Kỹ thuật cơ khí	Quản lý và khai thác Máy xếp dỡ - Xây dựng; Cơ khí tự động	7520103	A00, A01	35	15	
9.	Kỹ thuật tàu thủy	Kỹ thuật tàu thủy, công trình nổi và quản lý hệ thống công nghiệp	7520122	A00, A01	35	15	
10.	Kỹ thuật ô tô	Cơ khí ô tô	752013001	A00, A01	35	15	
11.		Cơ điện tử ô tô	752013002	A00, A01	35	15	
12.	Kỹ thuật điện	Điện công nghiệp; Hệ thống điện giao thông; Năng lượng tái tạo	7520201	A00, A01	105	45	
13.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Điện tử viễn thông	7520207	A00, A01	35	15	
14.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hoá công nghiệp	7520216	A00, A01	35	15	
15.	Kỹ thuật môi trường		7520320	A00, A01, B00	28	12	
16.	Kỹ thuật xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật kết cấu công trình; Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm	7580201	A00, A01	182	78	

STT	Tên ngành	Tên chuyên ngành	Mã ngành/chuyên ngành xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu		Ghi chú
					Kết quả thi THPT	Học bạ	
17.	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Xây dựng và quản lý cảng - công trình giao thông thủy	7580202	A00, A01	35	15	
18.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường; Xây dựng đường bộ; Xây dựng công trình giao thông đô thị; Quy hoạch và quản lý giao thông	7580205	A00, A01	217	93	
19.	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	758030101	A00, A01, D01	35	15	
20.		Quản lý dự án xây dựng	758030102	A00, A01, D01	35	15	
21.		Kinh tế và quản lý bất động sản	758030103	A00, A01, D01	35	15	
22.	Khai thác vận tải	Quản lý và kinh doanh vận tải	7840101	A00, A01, D01	35	15	
23.	Kinh tế vận tải	Kinh tế vận tải biển	784010401	A00, A01, D01	70	30	
24.		Kinh tế vận tải hàng không	784010402	A00, A01, D01	35	15	
25.	Khoa học hàng hải	Quản lý hàng hải	784010604	A00, A01, D01	70	30	
26.		Điều khiển và quản lý tàu biển	784010606	A00, A01	70	30	
27.		Khai thác máy tàu thủy và quản lý kỹ thuật	784010607	A00, A01	35	15	
28.		Kỹ thuật điện, điện tử và điều khiển	784010608	A00, A01	21	9	
29.		Quản lý cảng và logistics	784010609	A00, A01, D01	70	30	
30.		Luật và chính sách hàng hải	784010610	A00, A01, D01	35	15	
31.		Cơ điện tử	784010611	A00, A01	35	15	

b) Trình độ đại học chính quy (chương trình chất lượng cao)

STT	Tên ngành	Tên chuyên ngành	Mã số xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu		Ghi chú
					Thi THPT	Học bạ	
1.	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	748020101H	A00, A01	154	66	
2.		Khoa học dữ liệu	748020102H	A00, A01	42	18	
3.		Hệ thống thông tin quản lý	748020103H	A00, A01	42	18	

STT	Tên ngành	Tên chuyên ngành	Mã số xét tuyển	Tổ hợp môn xét tuyển	Chỉ tiêu		Ghi chú
					Thi THPT	Học bạ	
4.	Kỹ thuật cơ khí	Cơ khí ô tô	752010301H	A00, A01	175	75	
5.		Cơ điện tử ô tô	752010302H	A00, A01	175	75	
6.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông		7520207H	A00, A01	28	12	
7.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		7520216H	A00, A01	42	18	
8.	Kỹ thuật xây dựng		7580201H	A00, A01	42	18	
9.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xây dựng cầu đường	758020501H	A00, A01	63	27	
10.	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng	758030101H	A00, A01, D01	84	36	
11.		Quản lý dự án xây dựng	758030102H	A00, A01, D01	63	27	
12.		Kinh tế và quản lý bất động sản	758030103H	A00, A01, D01	21	9	
13.	Khai thác vận tải	Quản trị Logistics và vận tải đa phương thức	784010101H	A00, A01, D01	154	66	
14.		Quản lý và kinh doanh vận tải	784010102H	A00, A01, D01	63	27	
15.		Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	784010103H	A00, A01, D01	154	66	
16.	Kinh tế vận tải	Kinh tế vận tải biển	784010401H	A00, A01, D01	147	63	
17.		Kinh tế vận tải hàng không	784010402H	A00, A01, D01	42	18	
18.	Khoa học hàng hải	Quản lý hàng hải	784010604H	A00, A01, D01	42	18	
19.		Điều khiển và quản lý tàu biển	784010606H	A00, A01	21	9	
20.		Khai thác máy tàu thủy và quản lý kỹ thuật	784010607H	A00, A01	21	9	
21.		Quản lý cảng và logistics	784010609H	A00, A01, D01	252	108	
22.		Luật và chính sách hàng hải	784010610H	A00, A01, D01	21	9	
23.		Cơ điện tử	784010611H	A00, A01	42	18	

Ghi chú:

- Chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh cho từng ngành/chuyên ngành và theo từng phương thức xét tuyển mang tính chất tương đối khi thực hiện xét tuyển trên cơ sở chỉ tiêu chung từng lĩnh vực đào tạo đã đăng ký.

- Mã số ngành/chuyên ngành xét tuyển có ký hiệu “H”, thuộc chương trình đào tạo chất lượng cao.

- Chi tiết các môn học, bài thi/môn thi trong tổ hợp xét tuyển gồm: A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Văn, Tiếng Anh), B00 (Toán, Hóa, Sinh)

4.3. Chỉ tiêu xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển năm 2022

Chỉ tiêu xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển năm 2022 nằm trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh đã đăng ký.

5. Hình thức và thời gian đăng ký

5.1 Phương thức xét Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022

+ Đợt 1: thí sinh đăng ký xét tuyển từ ngày 22/7/2022 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2022 trên hệ thống (Công thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc Công dịch vụ công quốc gia).

+ Các đợt bổ sung tiếp theo (nếu có) Nhà trường sẽ thông báo tại <https://ut.edu.vn> và <https://tuyensinh.ut.edu.vn>

5.2 Phương thức xét Học bạ

5.2.1 Hình thức đăng ký

Thí sinh đăng ký trực tuyến tại website <https://ts22.ut.edu.vn>

Lưu ý:

- *Sau khi thực hiện đăng ký trực tuyến, thí sinh kiểm tra lại thông tin và in phiếu đăng ký trên hệ thống kèm theo hồ sơ theo hướng dẫn gửi về Trường mới được công nhận là đăng ký hợp lệ*
- *Thí sinh có thể gửi hồ sơ về trường theo 2 cách:*
 - + *Nộp trực tiếp tại trường (Phòng B2 – Bộ phận tuyển sinh, phòng Đào tạo);*
 - + *Gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Bộ phận tuyển sinh – phòng Đào tạo, trường Đại học Giao thông vận tải Tp.HCM. Số 02, Võ Oanh, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.*
- *Đối với thí sinh tự do:*
 - + *Thí sinh chưa đăng ký thông tin tuyển sinh trên hệ thống quản lý thi của Bộ GDĐT, sẽ không được đăng ký xét tuyển học bạ tại trường*
 - + *Thí sinh phải liên hệ với Sở GDĐT nơi gần thí sinh nhất để được hướng dẫn thực hiện việc đăng ký thông tin tuyển sinh trên cổng hệ thống quản lý thi của Bộ GDĐT. Sau đó, mới có thể đăng ký xét tuyển học bạ tại trường.*
- *Khi đăng ký xét tuyển học bạ, thí sinh phải dùng đúng thông tin cá nhân đã khai trên cổng hệ thống quản lý thi của Bộ GDĐT để thống nhất thông tin đã cung cấp. Nhà trường sẽ không chịu trách nhiệm những thông tin sai lệch mà thí sinh đã cung cấp.*

5.2.2 Thời gian đăng ký

- Đợt 1: đăng ký xét tuyển từ ngày **25/06/2022** đến hết ngày **11/07/2022**
- Các đợt bổ sung tiếp theo (nếu có) Nhà trường sẽ thông báo tại <https://ut.edu.vn> và <https://tuyensinh.ut.edu.vn>

5.2.3 Nội dung hồ sơ gửi về trường (sau khi đã đăng ký trực tuyến thành công)

- Phiếu đăng ký xét tuyển (xuất từ hệ thống đăng ký xét tuyển trực tuyến của trường);
- Bản sao học bạ Trung học phổ thông (THPT) hoặc Giấy xác nhận kết quả học tập của 3 năm THPT;
- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (nếu đã có) - (đối với thí sinh tự do)
- Bản sao giấy khai sinh;
- Bản sao thẻ Căn cước công dân hoặc giấy xác nhận Mã định danh cá nhân;
- Bản sao sổ hộ khẩu (đối với thí sinh được hưởng ưu tiên theo hộ khẩu);
- Bản sao các loại giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Lưu ý: Yêu cầu bản sao có chứng thực hoặc mang theo bản chính để đối chiếu bản sao (chưa chứng thực) khi nộp trực tiếp tại trường.

5.2.4 Lệ phí xét tuyển

- 30.000 đồng/nguyên vọng đăng ký xét tuyển (đối với phương thức xét tuyển bằng điểm học bạ);
- Hình thức nộp trực tiếp tại trường hoặc chuyển khoản.

Thông tin chuyển khoản:

- + Tên đơn vị thụ hưởng: Trường Đại học Giao thông vận tải Tp.Hồ Chí Minh;
- + Số tài khoản: 112.000.007.125;
- + Tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Chi nhánh 7, TP.HCM.

Yêu cầu ghi rõ nội dung khi chuyển khoản: **Họ và tên thí sinh, số CCCD/mã định danh cá nhân và “Lệ phí xét tuyển học bạ 2022”**

5.2.5. Thời gian thông báo điểm trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT)

- Nhà trường sẽ thông báo điểm trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) cho thí sinh trước 17h00 ngày 21/7/2022.

- Lưu ý: Những thí sinh sau khi nhận thông báo đã trúng tuyển (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT) từ Nhà trường, thí sinh tiếp tục lấy thông tin đã trúng tuyển vào ngành/chuyên ngành đã đăng ký để đăng ký lên hệ thống (Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia) từ ngày 22/7/2022 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2022.

5.3. Phương thức xét tuyển thẳng

- Thí sinh phải nộp hồ sơ ĐKXT thẳng tại trường trước ngày 17h00 ngày 15/7/2022.

- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học: từ ngày 22/7 đến 17 giờ 00 ngày 20/8/2022 trên Hệ thống.

- Thí sinh đã xác nhận nhập học vào Trường thì không được tham gia xét tuyển ở trường khác hoặc ở các đợt xét tuyển bổ sung.

- Nội dung hồ sơ ĐKXT thẳng và ưu tiên xét tuyển đối với từng đối tượng như sau:

- Đối tượng xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển
 - Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục III – Mẫu do Bộ GDĐT quy định);
 - Các giấy tờ minh chứng đáp ứng các yêu cầu của đối tượng xét tuyển; các giải thưởng, các giấy tờ xác nhận có liên quan (có chứng thực).
 - 02 ảnh chân dung cỡ 4x6.
- Đối tượng xét tuyển thẳng diện chính sách
 - Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục IV – Mẫu do Bộ GDĐT quy định);
 - Bản sao học bạ THPT (có chứng thực); 02 ảnh chân dung cỡ 4x6;
 - Bản sao hộ khẩu thường trú (có chứng thực).

6. Thông tin liên hệ tuyển sinh đại học chính quy

Bộ phận Tuyển sinh - Phòng Đào tạo - Trường Đại học Giao thông vận tải TP. HCM

Địa chỉ: số 2, đường Võ Oanh, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3512 6902, 028 3512 8360, Hotline: 036 287 8 287

Website: <https://ut.edu.vn/> email: tuyensinh@ut.edu.vn

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH (b/c),
- HĐ Trường;
- BGH;
- HĐTS 2022;
- Các đ/v trong Trường;
- Website;
- Lưu: VT, PĐT (Trang, 04).

Q. HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS. TS. Nguyễn Xuân Phương